

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: **56/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/9/2022

V/v: “*không công nhận
quan hệ vợ chồng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Sinh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Lam

2. Bà Trần Thị Hà

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đắc Quốc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tuy Phong.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong,
tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:
312/2022/TLST- HNGĐ; ngày 18 tháng 7 năm 2022, về việc “*không công nhận quan
hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HNGĐ,
ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1/ **Nguyên đơn:** Bà **Bùi Thị S**, sinh năm 1974

Địa chỉ: khu phố 01, thị trấn N, huyện Tuy Phong, Bình Thuận.

2/ **Bị đơn:** Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1960

Địa chỉ: khu phố 01, thị trấn N, huyện Tuy Phong, Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên
tòa bà **Bùi Thị S** trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn T tự nguyện sống chung với nhau
vào năm 2000 và không có đăng ký kết hôn do bà không có am hiểu pháp luật. Cuộc
sống chung vợ chồng không có hạnh phúc nguyên nhân ông T không có chung thủy,
thường xuyên xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà. Vợ chồng đã sống ly thân từ

tháng 01 năm 2021 không còn ai quan tâm đến ai.

Bà xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục sống chung với ông Lê Văn T nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông Lê Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Văn S, sinh ngày 03/6/2004 (Con đã thành niên).

Về tài sản và nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và nợ ai cả nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa ông Lê Văn T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Bùi Thị S tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2000, đến năm 2003 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện Tuy Phong, do vợ chồng cãi nhau nên bà S đã xé tờ Giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm; thường xuyên xúc phạm danh dự của nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 không còn ai quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn T thống nhất yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà S do không còn tình cảm và cơ hội hàn gắn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Văn S, sinh ngày 03/6/2004 (Con đã thành niên).

Về tài sản và nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và nợ ai cả nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong vụ án: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Khoản 8 Điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 Điều 48 và khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51, 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Bùi Thị S và ông Lê Văn T.

Về con chung: Bà S và ông T có 01 con chung tên Lê Văn S, sinh ngày 03/6/2004 (Con đã thành niên).

Về tài sản và nợ chung: Bà S và ông T đều khai, trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và nợ ai cả nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Bùi Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Lê Văn T là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại khu phố 01, thị trấn N, huyện Tuy Phong, Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Bùi Thị S và ông Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2000, không đăng lý kết hôn tại chính quyền địa phương (Theo Biên bản xác minh của Tòa án vào ngày 27/7/2022 tại UBND thị trấn N, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận). Tại thời điểm chung sống cả hai có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn do đó *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”* theo Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định. Tại phiên tòa, cả hai xác định là không còn tình cảm và không có cơ hội hàn gắn. Do đó, để sớm ổn định cuộc sống giữa hai bên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về con chung: Bà S và ông T đều xác định trong thời kỳ hôn nhân ông bà có 01 con chung tên Lê Văn S, sinh ngày 03/6/2004 (Con đã thành niên) nên HĐXX không xem xét đặt ra vấn đề nuôi con chung.

[4] Về tài sản và nợ chung: Bà S và ông T đều khai, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và không có nợ ai nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định về việc giải quyết ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

- Khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 8, Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Bùi Thị S và ông Lê Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Bà S và ông T có 01 con chung tên Lê Văn S, sinh ngày 03/6/2004 (Con đã thành niên).

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí: Bà Bùi Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà S đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0003713, ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; bà S đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều có mặt; quyền kháng cáo của bà Bùi Thị S và ông Lê Văn T là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/9/2022).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Tấn Sinh

